TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám;

2. Ông Vũ Xuân Miện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 385/2019/TLST-HN&GĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-6-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Công D, sinh năm 1974; nơi cư trú: T 8, xã LS, thành phố VT, tỉnh BR – VT (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972, nơi cư trú: T 8, xã LS, thành phố VT, tỉnh BR – VT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Công D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, ngày 29 tháng 3 năm 1996. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Bà D đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình, cho ông S cơ hội sửa đổi nhưng ông S không thay đổi. Vợ chồng bà đã không còn sống chung với nhau đã được 5 năm nay, tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc

cho ai. Từ tháng 7-2018 đến nay, bà đã ra ngoài thuê nhà sinh sống. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có hai con chung là Nguyễn Quốc Hùng, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc Huy, sinh ngày 13-4-2012. Cháu Hùng đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S theo đúng quy định nhưng ông S vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Công D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Công D và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, ngày 29 tháng 3 năm 1996 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà D trình bày: Ngay sau khi kết hôn, bà D và ông S đã phát sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, vợ chồng bà đã không còn sống chung, không quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau đã 05 năm. Bà D đã ra ngoài thuê nhà sinh sống từ tháng 7-2018 cho đến nay. Kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi ông S sinh sống có nội dung: Công an khu vực và dân phòng nhiều lần phải giải quyết mâu thuẫn, xô xát giữa bà D và ông S. Từ tháng 7-2018 bà D đã cùng cháu Huy chuyển đi nơi khác sinh sống. Điều này phù hợp với lời khai của bà D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông S tới Tòa án làm việc nhưng ông S không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông S không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà D và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, vợ chồng bà D, ông S đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau hơn 05 năm nay và không sống chung nhà với nhau từ tháng 7-2018, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà D, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà D đối với ông S là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà D và ông S có hai con chung là Nguyễn Quốc Hùng, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc Huy, sinh ngày 13-4-2012. Cháu Hùng đã trưởng thành, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Huy đang sống cùng bà D, cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và cháu có nguyện vọng được ở với bà D. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Huy, vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Công D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Công D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Công D được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Huy, sinh ngày 13-4-2012; ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Huy mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Công D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009378 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bà Trần Thị Công D đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Công D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Long Sơn, TP.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trà My